

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 6 - 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Bà Lê Kim Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1994, địa chỉ cư trú: Tổ 3, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Tổng Thanh T, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, (Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

3. **Người làm chứng:** Anh Tổng Thanh P, sinh năm: 1981, địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N trình bày:** Vào năm 2016 chị và anh Tổng Thanh T sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, sau khi cưới chị và anh T lên thành phố Hồ Chí Minh

làm thuê, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Tống Huỳnh Lê V, sinh ngày 22/5/2017 (Hiện đang sống với chị N), sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị về nhà cha mẹ ruột ở đến nay, còn anh T thì vẫn đi làm thuê ở thành phố, sau đó đến năm 2020 thì mâu thuẫn càng trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, anh T đi làm chỉ lo cho bản thân không lo cho chị và con, đặc biệt là anh T thừa nhận với chị là có người tình khác, nên chị với anh T đã ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm, nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tống Thanh T.

+ Về con chung có 01 người: Tên Tống Huỳnh Lê V, sinh ngày 22/5/2017 (hiện đang sống với chị N), chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Trọng cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Tống Thanh T, không có ý kiến gửi Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Tống Thanh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình sống chung chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn gia đình là có thật do bất đồng quan điểm sống, anh T chỉ lo cho bản thân không lo cho chị N và con. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, mặc dù có gặp nhau hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Theo thông tin từ gia đình anh T thì anh T cũng thống nhất ly hôn, nhưng do làm ăn xa, dịch bệnh nên không về được. Như vậy, chứng tỏ về tình cảm giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly của chị N.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Tống Huỳnh Lê V, sinh ngày 27/5/2017, cháu V hiện nay còn nhỏ chỉ hơn 04 tuổi từ khi chị N và anh T không còn sống chung và hiện nay đều do chị N chăm sóc và nuôi dưỡng do đó để ổn

định việc sinh hoạt của cháu cho nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có văn bản yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Tống Thanh T không có văn bản ghi ý kiến tranh chấp nên không đặt ra để xem xét.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn anh Tống Thanh T, người làm chứng Tống Thanh P đều đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/10/2016, nên quan hệ vợ chồng của chị Huỳnh Thị Kim N và anh Tống Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị N khai là không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mà bắt đầu là do lỗi của anh T trong cư xử không tế nhị với vợ, thiếu sự chăm lo gia đình, có ý thức ngoại tình, chị N đã hết lời khuyên răn, nhưng vẫn không được, nên chị N bỏ ra đi về nhà cha mẹ ruột sống kể từ năm 2020 đến nay. Nay chị N xin được ly hôn với anh T; còn anh T thì không có ý kiến tại tòa. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị N với anh T không còn, cụ thể qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa Tòa án đã nhiều lần động viên chị N về đoàn tụ lại với anh T, nhưng chị N kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù không có ý kiến của anh T, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị N, anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị Ngọc khai thì có 01 con chung với anh T, tên Tống Huỳnh Lê V, sinh ngày 22/5/2017, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, mặc chưa có ý kiến của anh T, nhưng từ nhỏ đến nay cháu V sống với chị N và chỉ mới có 04 tuổi, đồng thời để ổn định cuộc sống cho

cháu V, nên xét thấy yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N chưa yêu cầu, nên anh Trọng chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, và được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012972 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với anh Tổng Thanh T.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Kim N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Tổng Huỳnh Lê V, sinh ngày 22/5/2017 (hiện đang sống với chị Kim N); Anh Tổng Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Kim N chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh Tổng Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Huỳnh Thị Kim N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012972 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Huỳnh Thị Kim N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Tổng Thanh T không phải nộp án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/6/2021). Đối với bị đơn anh Tổng Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách